

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **312/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 07 tháng 6 năm 2021
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Phan Thị Hà

2. Bà Phạm Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2021/TLST – HN&GD ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 189/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Lan A**, sinh năm 1980, Chứng minh nhân dân số: 001180001002 ngày cấp: 16/7/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, Đăng ký hộ khẩu: số 121 phố H, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: số 53 phố N, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh **Đỗ Mạnh C**, sinh năm 1970; Chứng minh nhân dân số: 001070000194 cấp ngày: 08/02/2013 tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Đăng ký hộ khẩu: số 121 phố H, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 22, ngõ 435 Đội Cấn, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Chị A, anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Lan A trình bày như sau:***

Chị A và anh C có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 3 năm 2003 tại UBND phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại số 121 phố H, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2014 gia đình nhà chồng chị đã bán nhà đất tại số 121 phố H. Sau đó, vợ chồng chị chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống một thời gian. Đến năm 2016 vợ chồng chị chuyển ra Hà Nội và đi thuê nhà ở nhiều nơi để sinh sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Chị A chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ tại 53 N, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Đỗ Minh A, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2003, cháu Đỗ Bảo A, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2012, cháu Đỗ Hoài A, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2014 và cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Hoài A và cháu Quang M và đồng ý để anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Minh A và cháu Bảo A. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị A xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Chị A xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

**** Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh C trình bày.***

- Về tình cảm: Anh và chị A có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn đúng như chị A trình bày. Về mâu thuẫn chỉ do cách nuôi dạy con chung ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị A, chị A làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Đỗ Minh A, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2003, cháu Đỗ Bảo A, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2012, cháu Đỗ Hoài A, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2014 và cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2017. Do anh C không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh C xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh tự lo về chỗ ở.

- Về khoản vay nợ: Anh xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện.

- Về tình cảm: chị A vẫn yêu cầu xin được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh A và cháu Đỗ Bảo A; chị A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoài A và cháu Đỗ Quang M. Hai bên không có tranh chấp về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung.

- Về tài sản chung và nhà ở và về khoản vay nợ: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, các đương sự không hòa giải được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39, 42 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung căn cứ khả năng, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của đương sự cũng như quyền lợi, nguyện vọng của các con chung thì giao con chung là cháu Hoài A và cháu Quang M cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao con chung là cháu Hoài A và cháu Quang M cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và nhà ở các khoản vay nợ các đương sự xác nhận tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Mạnh C có cư trú tại số 22, ngõ 435 Đội Cấn, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên giải quyết cho chị A được ly hôn với anh C.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của bà Đỗ Thị T, sinh năm 1956 - là mẹ đẻ của chị Nguyễn Lan A cung cấp: Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 3 năm 2003 tại UBND phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Trong quá vợ chồng anh chị chung sống với nhau, bà thấy anh chị cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình bà có biết và hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Vì chị A không tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh C. Vợ chồng anh chị có 04 con chung là cháu Đỗ Minh A, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2003, cháu Đỗ Bảo A, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2012, cháu Đỗ Hoài A, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2014 và cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2017. Khi ly anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết

theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các cháu ngoại của bà. Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai cháu tự quyết định. Về khoản nợ: Gia đình bà xác nhận không vay nợ hai cháu và hai cháu cũng không vay nợ gia đình bà.

Việc xác minh thu thập chứng cứ về mâu thuẫn của vợ chồng tại nơi cư trú, do anh chị sống chung từ khi kết hôn đến khi có mâu thuẫn xảy ra, anh chị sinh sống ở nhiều nơi không ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử không xác minh được.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh C kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị A xin ly hôn, anh C thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh C cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm của vợ chồng và vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy khả năng đoàn tụ của vợ chồng là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Lan A được ly hôn anh Đỗ Mạnh C là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Đỗ Minh A, cháu Đỗ Bảo A, cháu Đỗ Hoài A và cháu Đỗ Quang M. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Hoài A và cháu Quang M và anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Minh A và cháu Bảo A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, chị A và anh C đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, khi xem xét giao con chung cho ai, cần xét đến nguyện vọng của các con cũng như quyền lợi của các con chung.

Tại đơn nguyện vọng của cháu Đỗ Bảo A và cháu Đỗ Minh A có nguyện vọng được ở với anh C để anh C có điều kiện chăm sóc chăm sóc các cháu tốt hơn. Xét thấy việc giao con chung là cháu Đỗ Bảo A và Đỗ Minh A cho anh C là người trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo A và cháu Minh A và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với cháu Đỗ Hoài A, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2014 và cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2017 còn nhỏ tuổi và chị A cũng có nguyện vọng nuôi hai cháu, anh C không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy việc giao con chung là cháu Đỗ Hoài A và cháu Đỗ Quang M cho chị A trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nhà ở: Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn các bên tự lo về nhà ở nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ: Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Lan A;

Chị Nguyễn Lan A được ly hôn với anh Đỗ Mạnh C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Đỗ Minh A**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2003 và cháu **Đỗ Bảo A**, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2012 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là **Đỗ Hoài A**, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2014 và cháu **Đỗ Quang M**, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2017 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Việc giao con được thực hiện kể từ tháng 6 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C xác nhận xin tự thỏa thuận về tài sản chung và nhà ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ: Chị Nguyễn Lan A và anh Đỗ Mạnh C xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Lan A phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0067004 ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2021.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long